

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về trách nhiệm và quy trình thực hiện chính sách
miễn thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-BNN ngày 27/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định năng lực tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Xét đề nghị của sở Tài chính tại Công văn số 3462/STC-TCDN ngày 23/9/2013 về việc giao nhiệm vụ thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trách nhiệm và quy trình thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký;

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn; Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các công ty thủy nông; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CTUBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, LĐT&XH, NV, TN&MT, TP;
- Lưu: VT, KTTT.
(QD-Nhiệm vụ TLP13)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến

QUY ĐỊNH

**Về trách nhiệm và quy trình thực hiện chính sách
miễn thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4548 /2013/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I

**TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
MIỄN THUỶ LỢI PHÍ**

Điều 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a. Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh:

- Quy định cụ thể danh mục công trình, biện pháp tưới, tiêu nước; diện tích tưới, tiêu đối với từng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định và trình Phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí của các Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là công ty thủy nông) và các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện);

- Quy định vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của từng công trình thủy lợi.

b. Xây dựng phương án quy định mức trần thu phí dịch vụ thủy nông nội đồng.

c. Hướng dẫn việc ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa cơ quan đặt hàng với các tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận đặt hàng.

d. Theo dõi, kiểm tra, giám sát các đơn vị, địa phương về việc thực hiện kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước; chất lượng phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước.

đ. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định số liệu diện tích miễn thủy lợi phí và biện pháp tưới, tiêu nước của các tổ chức thủy nông theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Sở Tài chính:

a. Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh:

- Thẩm định và trình mức trần thu phí dịch vụ thủy nông nội đồng.

- Quy định cụ thể mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực gồm: Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi; nuôi cá bè; sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện; sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân golf, casino, nhà hàng).

- Tổng hợp và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí do các công ty thủy nông và UBND các huyện, thị, thành phố lập theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính, để báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thẩm định và tổng hợp quyết toán kinh phí miễn thủy lợi phí của các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành và đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh để báo cáo các bộ, ngành Trung ương những nội dung vượt quá thẩm quyền.

b. Căn cứ Quyết định phê duyệt kinh phí miễn thủy lợi phí của Chủ tịch UBND tỉnh, thông báo cấp kinh phí miễn thủy lợi phí cho các huyện, thị xã, thành phố và các công ty thủy nông.

c. Hướng dẫn các đơn vị quản lý thủy nông do cấp huyện quản lý sử dụng kinh phí được cấp bù miễn thủy lợi phí đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật.

d. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí của các huyện, thị xã, thành phố và các công ty thủy nông.

đ. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định dự toán kinh phí và quyết toán kinh phí miễn thủy lợi phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị quản lý thủy nông thuộc cấp huyện quản lý căn cứ vào bản đồ giải thửa, hình thức cấp nước, tưới nước, tiêu nước, hợp đồng cấp nước, tiêu nước giữa đơn vị quản lý thủy nông với các hộ dùng nước để lập bảng kê đối tượng và diện tích đất được tưới nước, tiêu nước được miễn thủy lợi phí theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Kiểm tra, rà soát diện tích và xác nhận diện tích miễn thủy lợi phí của các hộ dùng nước trong bảng kê do đơn vị quản lý thủy nông trên địa bàn lập.

- Chỉ đạo các đơn vị quản lý thủy nông thuộc cấp huyện quản lý lập dự toán cấp bù miễn thủy lợi phí theo mẫu biểu Phụ lục số 1, số 2, số 3, số 4 kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng có liên quan kiểm tra, rà soát diện tích, dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí và tổng hợp diện tích, dự toán cấp bù miễn thủy lợi phí của các đơn vị thủy nông do cấp huyện quản lý lập theo mẫu biểu Phụ lục số 1, số 2, số 3, số 4 kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính, gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Hàng năm, chỉ đạo các đơn vị quản lý thủy nông do cấp huyện quản lý lập báo cáo quyết toán kinh phí miễn thủy lợi phí theo đúng quy định, gửi Phòng Tài chính kế hoạch thẩm định.

- Lập và tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí của huyện, thị xã, thành phố gửi sở Tài chính, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trong dự toán ngân sách tỉnh.

- Chịu trách nhiệm về kết quả xác nhận, thẩm định số liệu trong hồ sơ đề nghị thanh, quyết toán kinh phí miễn thủy lợi phí và quản lý, sử dụng kinh phí được cấp theo đúng quy định.

Điều 4. UBND các xã, phường, thị trấn:

- Kiểm tra, rà soát diện tích và xác nhận diện tích miễn thủy lợi phí của các hộ gia đình theo bảng kê số 1, quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính do đơn vị quản lý thủy nông trên địa bàn xã, phường, thị trấn lập.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố về kết quả xác nhận diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước miễn thủy lợi phí.

Điều 5. Các đơn vị quản lý thủy nông:

- Lập báo cáo, bảng kê diện tích, bảng kê danh sách các hộ gia đình dùng nước có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn và UBND huyện, thị xã, thành phố; hồ sơ miễn thủy lợi phí lập theo mẫu biểu Phụ lục số 1, quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính; gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT đối với các công ty thủy nông, gửi về UBND huyện (Phòng Tài chính kế hoạch) đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc cấp huyện quản lý.

- Kiểm tra, rà soát diện tích, biện pháp tưới tiêu và mức miễn thủy lợi phí cho từng biện pháp tưới tiêu. Tổng hợp dự toán miễn thủy lợi phí của toàn công ty theo mẫu biểu Phụ lục số 1, số 2, số 3, số 4 quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính, kèm theo tờ trình xin cấp kinh phí miễn thủy lợi phí gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT đối với các công ty thủy nông, gửi về UBND huyện (Phòng Tài chính kế hoạch) đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc huyện quản lý.

- Hàng năm, lập báo cáo quyết toán kinh phí miễn thủy lợi phí theo đúng quy định, hồ sơ quyết toán phải có đầy đủ các chứng từ để làm căn cứ thanh, quyết toán, bao gồm: Hợp đồng tưới nước, tiêu nước, cấp nước của đơn vị quản lý thủy nông với các hộ dùng nước; Biên bản nghiệm thu diện tích tưới, tiêu, cấp nước từng đợt kèm theo Biên bản nghiệm thu tổng diện tích tưới, tiêu; Biên bản thanh lý hợp đồng tưới nước, tiêu nước và cấp nước, gửi về: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT đối với các công ty thủy nông, gửi về UBND huyện (Phòng Tài chính kế hoạch) đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc cấp huyện quản lý.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu trong hồ sơ đề nghị kinh phí miễn thủy lợi phí; đồng thời quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh, quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II

QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN THỦY LỢI PHÍ

Điều 6. Trình tự xác nhận đối tượng và diện tích đất được miễn thủy lợi phí:

1. Đơn vị quản lý thủy nông phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ vào bản đồ giải thửa, hình thức cấp nước, tưới nước, tiêu nước, hợp đồng cấp nước, tưới nước, tiêu nước giữa đơn vị quản lý thủy nông với các Hộ dùng nước (bao gồm: UBND xã, phường, thị trấn, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, giám đốc trạm trại thí nghiệm, giám đốc nông trường hoặc ký trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân) để lập bảng kê đối tượng và diện tích đất được tưới nước, tiêu nước được miễn thủy lợi phí theo mẫu biểu phụ lục số 1, kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp các Hộ dùng nước là UBND xã, phường, thị trấn, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, giám đốc trạm, trại thí nghiệm, giám đốc nông trường thì phải có bảng kê danh sách các hộ gia đình dùng nước kèm theo để phục vụ cho việc theo dõi diện tích tưới, tiêu và nghiệm thu thanh lý hợp đồng và thanh quyết toán kinh phí miễn thủy lợi phí.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đối tượng được miễn thủy lợi phí có trách nhiệm kiểm tra, rà soát diện tích và xác nhận diện tích miễn thủy lợi phí trong bảng kê do đơn vị quản lý thủy nông lập.

3. Sau khi lập bảng kê, đơn vị quản lý thủy nông lập hồ sơ miễn thủy lợi phí để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Hàng năm, nếu có biến động về diện tích đất, mặt nước được miễn thủy lợi phí thì phải trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung.

5. Hồ sơ thẩm định diện tích được miễn thủy lợi phí được gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định diện tích miễn thủy lợi phí:

UBND tỉnh quyết định diện tích miễn thủy lợi phí đối với các diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước của các đơn vị quản lý thủy nông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 8. Hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định diện tích miễn thu thủy lợi phí:

1. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh:

- Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí theo từng đơn vị quản lý thủy nông;

- Bảng kê diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước cho từng hộ dùng nước theo địa bàn có xác nhận của UBND huyện, thị xã, thành phố;

- Hợp đồng (hoặc sổ bộ) tưới nước, tiêu nước, cấp nước của các đơn vị quản lý thủy nông với các hộ dùng nước (bao gồm: UBND xã, phường, thị trấn, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, giám đốc trạm, trại thí nghiệm, giám đốc nông trường hoặc ký trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân) để lập bảng kê.

2. Hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định diện tích miễn thu thủy lợi phí gồm (các hồ sơ là các bản chính):

a. Đối với các Công ty thủy nông:

- Tờ trình của Công ty thủy nông đề nghị phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí;

- Bảng kê diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước cho từng hộ dùng nước theo địa bàn có xác nhận của UBND các huyện, thị xã, thành phố;

- Hợp đồng (hoặc sổ bộ) tưới nước, tiêu nước, cấp nước của các đơn vị quản lý thủy nông với các hộ dùng nước (bao gồm: UBND xã, phường, thị trấn, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, giám đốc trạm, trại thí nghiệm, giám đốc nông trường hoặc ký trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân) để lập bảng kê.

b. Đối với các Hợp tác xã dùng nước:

- Tờ trình của Hợp tác xã dùng nước đề nghị phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí;

- Bảng kê diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước cho từng hộ dùng nước theo địa bàn có xác nhận của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

- Hợp đồng (hoặc sổ bộ) tưới nước, tiêu nước, cấp nước của các đơn vị quản lý thủy nông với các hộ dùng nước (bao gồm: UBND xã, phường, thị trấn, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, giám đốc trạm, trại thí nghiệm, giám đốc nông trường hoặc ký trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân) để lập bảng kê.

3. Nơi nhận hồ sơ:

- Hồ sơ diện tích miễn thu thủy lợi phí của Công ty thủy nông gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, trình UBND tỉnh.

- Hồ sơ diện tích miễn thu thủy lợi phí của các Hợp tác xã dùng nước gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố để kiểm tra, rà soát và tổng hợp, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh.

- Trong thời gian 15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và PTNT phải hoàn thành báo cáo thẩm định diện tích miễn thủy lợi phí; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

4. Bảng kê diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước kèm theo Quyết định của UBND tỉnh là căn cứ: giao kế hoạch hoặc đặt hàng cho các đơn vị quản lý thủy nông; lập dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn thủy lợi phí của các đơn vị quản lý thủy nông; để các cơ quan nhà nước có liên quan thực hiện kiểm tra,

giám sát việc phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước của các đơn vị quản lý thủy nông.

Điều 9. Lập dự toán:

1. Đối tượng lập dự toán:

Gồm các đơn vị quản lý thủy nông được quy định tại Điều 4, Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Các đơn vị quản lý thủy nông là Công ty thủy nông: Lập kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước theo từng diện tích, biện pháp tưới, tiêu; dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí, kinh phí hỗ trợ khác. Dự toán của các đơn vị phải có thuyết minh chi tiết theo từng biện pháp tưới nước, tiêu nước, từng mức thu cho từng diện tích phù hợp với đặc thù của từng đơn vị, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và sở Tài chính để tổng hợp trong dự toán chi ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Đối với đơn vị quản lý thủy nông do cấp huyện quản lý: Lập kế hoạch về diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước theo từng biện pháp tưới nước, tiêu nước; diện tích được miễn thủy lợi phí và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù thủy lợi phí được miễn, gửi về phòng Tài chính kế hoạch huyện để phối hợp với phòng chuyên môn có liên quan kiểm tra, rà soát và tổng hợp dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Đối với các hợp tác xã dùng nước do công trình của các công ty thủy nông tạo nguồn nước tưới, mở đường nước tiêu thì các công ty thủy nông lập dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí.

2. Tổng hợp dự toán:

- Phòng Tài chính kế hoạch huyện tổng hợp dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí của các đơn vị thủy nông cơ sở thuộc cấp huyện quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Công ty thủy nông tổng hợp dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí của toàn công ty, gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời gian gửi dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí về Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước ngày 20 tháng 9 hàng năm.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dự toán cấp bù miễn thủy lợi phí của UBND các huyện, thị xã, thành phố và các công ty thủy nông, theo Phụ lục số 2, số 3, số 4 quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính; thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí từ ngân sách Trung ương.

Điều 10. Giao dự toán cho các đơn vị quản lý thủy nông thuộc diện giao kế hoạch:

Căn cứ vào dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và thông báo mức hỗ trợ kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí của Bộ Tài chính, UBND tỉnh thực hiện giao dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí cho các đơn vị.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ kinh phí miễn thủy lợi phí cho từng đơn vị (bao gồm cả các huyện).

Căn cứ vào Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về kinh phí hỗ trợ miễn thủy lợi phí và thông báo bổ sung có mục tiêu của Sở Tài chính, UBND cấp huyện giao dự toán cho các đơn vị thủy nông thuộc huyện quản lý trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính kế hoạch và Phòng Nông nghiệp huyện.

Việc giao dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm, trước năm kế hoạch.

Điều 11. Đặt hàng dịch vụ thủy nông:

Đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc diện đặt hàng dịch vụ thủy nông thì Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền thực hiện ký hợp đồng đặt hàng với các đơn vị thủy nông theo quy định của pháp luật. Việc ký hợp đồng đặt hàng phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, trước năm kế hoạch.

Đối với các hợp tác xã dùng nước do công trình của các công ty thủy nông tạo nguồn nước tưới, mở đường nước tiêu thì các công ty thủy nông ký hợp đồng với các hợp tác xã dùng nước.

Điều 12. Chế độ báo cáo:

1. Đối với đơn vị giao dự toán:

Kết thúc năm, đơn vị được giao dự toán phải báo cáo tình hình thực hiện dự toán cho cơ quan giao dự toán và cơ quan tài chính (Sở Tài chính đối với đơn vị quản lý thủy nông thuộc tỉnh quản lý, Phòng Tài chính kế hoạch đối với các đơn vị thuộc cấp huyện giao dự toán).

Báo cáo thực hiện dự toán là căn cứ để quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn cho các đơn vị quản lý thủy nông.

2. Đối với đơn vị nhận đặt hàng:

Kết thúc năm, cơ quan đặt hàng và đơn vị nhận đặt hàng phải lập biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng. Biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng là căn cứ để cơ quan đặt hàng thanh, quyết toán kinh phí cho đơn vị nhận đặt hàng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù miễn thủy lợi phí.

3. Thời gian nộp báo cáo: Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm.

Điều 13. Cấp phát, thanh toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí:

1. Cấp phát, thanh toán kinh phí thủy lợi phí được miễn đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc diện giao kế hoạch:

1.1. Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán của Chủ tịch UBND tỉnh, đơn vị quản lý thủy nông phân bổ dự toán năm theo nội dung chi, gửi cơ quan tài chính để làm căn cứ cấp phát. Đơn vị quản lý thủy nông cấp tỉnh gửi Sở Tài chính, đơn vị thủy nông cấp huyện gửi Phòng Tài chính kế hoạch huyện.

1.2. Việc cấp phát kinh phí thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan; cụ thể như sau:

- Đối với các công ty thủy nông tỉnh quản lý: Căn cứ vào dự toán ngân sách được duyệt và dự toán của công ty thủy nông, cơ quan tài chính cấp kinh phí cho công ty thủy nông hai (02) lần trong năm vào đầu quý I cấp 60% kinh phí và đầu quý III cấp 40% kinh phí còn lại trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm, dự kiến thực hiện 6 tháng cuối năm và ước thực hiện kế hoạch cả năm của đơn vị; việc cấp phát thực hiện bằng lệnh chi tiền.

- Đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc cấp huyện quản lý: Căn cứ vào dự toán ngân sách được duyệt, Sở Tài chính thông báo bổ sung kinh phí có mục tiêu cho UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các huyện, thị xã, thành phố cấp bằng lệnh chi tiền cho các tổ chức thủy nông cơ sở.

2. Cấp phát, thanh toán kinh phí thủy lợi phí được miễn đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc diện giao đặt hàng:

Việc thanh toán kinh phí miễn thủy lợi phí đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc diện đặt hàng được căn cứ vào hợp đồng đặt hàng ký giữa cơ quan đặt hàng và đơn vị nhận đặt hàng. Cơ quan tài chính thanh toán kinh phí cho đơn vị nhận đặt hàng và thực hiện việc cấp phát thanh toán bằng lệnh chi tiền. Cụ thể như sau: Ngay sau khi hợp đồng đặt hàng được ký, cơ quan đặt hàng tạm ứng 50% kinh phí theo hợp đồng cho đơn vị nhận đặt hàng. Sau khi có báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đạt 60% giá trị hợp đồng, cơ quan đặt hàng ứng tiếp 40% kinh phí theo hợp đồng, 10% kinh phí còn lại được thanh toán sau khi hợp đồng được nghiệm thu, thanh lý.

- Đối với các hợp tác xã dùng nước do các công ty thủy nông tạo nguồn nước tưới, mở đường nước tiêu, Công ty thực hiện tạm ứng và thanh toán kinh phí cho các hợp tác xã dùng nước theo hợp đồng ký giữa 02 bên. Mức tạm ứng thanh toán theo tỉ lệ mà công ty được ngân sách nhà nước tạm ứng và thanh toán.

Điều 14. Quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn:

Việc quyết toán tài chính kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Các đơn vị quản lý thủy nông phải có đầy đủ các chứng từ để làm căn cứ thanh, quyết toán các hỗ trợ tài chính (bản sao có xác nhận sao y bản chính của đơn vị quản lý thủy nông): Hợp đồng

tưới nước, tiêu nước, cấp nước của đơn vị quản lý thủy nông với các Hộ dùng nước; Biên bản nghiệm thu diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước; Biên bản thanh lý hợp đồng tưới nước, tiêu nước và cấp nước; Biên bản nghiệm thu diện tích từng đợt tưới nước, tiêu nước, cấp nước; Biên bản nghiệm thu cuối vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước.

Cấp huyện được quyết toán với ngân sách cấp tỉnh khoản chi cấp bù miễn thủy lợi phí theo hình thức bổ sung có mục tiêu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Thời gian nộp báo cáo quyết toán chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán của các đơn vị quản lý thủy nông thuộc tỉnh quản lý và của UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Tài chính phải hoàn thành báo cáo thẩm định quyết toán kinh phí miễn thủy lợi phí; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn; Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 16. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến